

KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TƯ TƯỞNG TRỊ QUỐC TRONG KINH ĐIỂN NHO GIA VÀ PHONG TRÀO CHẤN HƯNG NHO GIÁO Ở TRUNG QUỐC ĐẦU THẾ KỶ XXI

Trần Tiến Khôi *

Nhận bài: 14/06/2021; Nhận kết quả bình duyệt: 25/06/2022; Chấp nhận đăng: 01/08/2022

©2022 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Ngày nay nhân loại đang đối mặt với nhiều nguy cơ mang tính tồn vong, đạo đức xã hội suy thoái, môi trường sống bị hủy hoại.... Để giải quyết những nguy cơ đó, vấn đề trị quốc, chấn chỉnh phong hóa cần được nghiên cứu và vận dụng. Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đã và đang quay trở lại tìm hiểu tư tưởng trị quốc của Nho gia, từ đó làm sáng tỏ chủ nghĩa nhân văn của Nho gia trong việc hóa giải các vấn đề của xã hội hiện đại. Bài viết dựa trên phương pháp phân tích sử liệu, phương pháp nghiên cứu liên ngành; phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, phương pháp thông diễn học... để nghiên cứu về tư tưởng trị quốc điển hình của Trung Hoa cổ đại - trọng tâm là sách Luận Ngữ, từ đó tìm hiểu phong trào chấn hưng Nho giáo của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI sau 40 năm cải cách và những bài học rút ra cho Việt Nam trong việc xây dựng xã hội hiện đại mang tinh thần nhân văn cao cả và giá trị tu dưỡng, giáo dục con người.

Từ khóa: Tư tưởng trị quốc, Khổng Tử, Nho giáo, Tinh thần nhân văn, Giá trị đạo đức.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, nhân loại đang đối mặt với hàng loạt các vấn đề cấp bách cần được giải quyết như dịch bệnh, khủng bố, bạo loạn, chiến tranh tôn giáo, chiến tranh hạt nhân, giết người hàng loạt, ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, nghèo đói, tham nhũng, quan liêu, phân biệt, kỳ thị, lừa dối, vô cảm... có thể đưa nhân loại đến nguy cơ khôn lường. Việt Nam ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng bởi vòng xoáy ấy. Vậy con đường nào, giải pháp nào để giúp nhân loại thoát khỏi những nguy cơ nêu trên đang trở thành câu hỏi hết sức quan trọng đặt ra cho tất cả chúng ta. Thiết nghĩ, lật lại những trang sách xưa, nghiên cứu, tìm tòi những giá trị về tư tưởng trị quốc của những bậc hiền triết phương Đông để vận dụng linh hoạt cho bối cảnh ngày nay là việc làm thiết thực và cần thiết. Bên cạnh đó, các nhà tư tưởng Trung Hoa cổ đại đều đứng trên lập trường vững chắc và sở học uyên bác của mình để đề xuất các chủ trương trị quốc. Các chủ trương đó tiếp tục

được vận dụng và kiểm chứng qua thời gian trên một phạm vi rộng lớn vượt ra khỏi không gian Trung Hoa và trở thành tài sản chung của nhân loại. Tiêu biểu nhất trong các học thuyết thời kỳ *bách gia tranh minh* này là tư tưởng trị quốc thuần tự nhiên của Lão Tử, tư tưởng trị quốc theo luân lý của Khổng Tử và tư tưởng trị quốc theo *pháp - thuật - thế* của Hàn Phi Tử. Điển hình nhất là học thuyết Nho giáo của Khổng Tử - một trong những nhà tư tưởng vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại. Những tư tưởng của ông không chỉ là tài sản của một quốc gia mà còn là tài sản chung của nền văn minh thế giới.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ điểm qua vài nét về tư tưởng trị quốc của các bậc hiền triết trong lịch sử Trung Hoa, tìm hiểu phong trào chấn hưng Nho giáo của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI sau 40 năm cải cách, từ đó rút ra một số bài học cho việc xây dựng xã hội Việt Nam hiện đại văn minh, giàu bản sắc dân tộc, đồng thời đóng góp cho sự tiến bộ

* Bộ môn Việt Nam học, trường Đại học Thăng Long

của cộng đồng, cho cuộc sống của con người và môi trường sống thân thiện.

2. Vài nét về tư tưởng trị quốc điển hình của Trung Hoa cổ đại

2.1. Tư tưởng trị quốc thuần tự nhiên của Lão Tử

Theo *Sử ký* của *Tư Mã Thiên*, Lão Tử họ Lý, tên Nhĩ, tự Đam, người nước Sở (nay thuộc huyện Lộc Ấp, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc). Ông từng làm một chức quan nhỏ trong cung đình nhà Chu, nhưng sau đó từ quan vì nhìn thấy sự hủ bại chốn cung thất. Ông là nhà tư tưởng vĩ đại của nhân loại. Tư tưởng của ông đã được hậu thế biên soạn thành quyển *Lão Tử* hay còn gọi là *Đạo Đức Kinh*, là căn cứ xác thực nhất để tiếp cận Lão Tử.

Xét về hạt nhân tư tưởng, Lão Tử cho rằng *Đạo* (道) là nguồn gốc, là bản nguyên, là chủ thể của vạn vật. *Đạo* tồn tại trước khi trời đất vạn vật hình thành. *Đạo* không có hình dáng, âm thanh, mùi vị nên chúng ta không thể nhìn thấy hay sờ thấy. Nó là một dạng hỗn độn siêu thời gian, siêu không gian, vĩnh hằng bất biến. Vạn vật đều sinh ra từ *Đạo* và tuân tòng theo *Đạo*.

Bên cạnh đó, Lão Tử cho rằng vạn vật tồn tại ở hai mặt mâu thuẫn đối lập và luôn chuyển hóa: có - không, khó - dễ, dài - ngắn, cao - thấp, đẹp - xấu, cương - nhu, cường - nhược, họa - phúc, lớn - nhỏ, sinh - tử, thắng - thua... bất kỳ cặp nào cũng tồn tại ở dạng đối lập và không ngừng chuyển hóa. Ông nói: Trong họa có phúc, trong phúc có họa (禍兮福所倚福兮禍所伏 {58}*). Tư tưởng biện chứng tinh hoa này của Lão Tử đã gợi mở nhiều ý nghĩa cho hậu thế.

Xét về thái độ, Lão Tử xác lập thái độ vô vi nhi trị (无为而治), thuận kỳ tự nhiên (顺其自然) trên cơ sở từ kết luận *Thiên đạo tự*

nhiên (天道自然), nghĩa là tự nhiên là tự nhiên, không bị ràng buộc hay chi phối bởi bất kỳ điều gì. Vạn vật phát sinh, phát triển, chuyển hóa đều rất tự nhiên, bao gồm con người cũng tuân theo quy luật trên. Dùng nguyên tắc tự nhiên để đối đãi với vạn vật tức là vô vi, và vô vi nghĩa là thuận theo tự nhiên, vô vi nhi trị thì thiên hạ sẽ thái bình. Vì thế mà Lão Tử phản đối *Lễ trị* của Nho gia, *Pháp trị* của Pháp gia.

Xét về hành động, Lão Tử chủ trương xử thế vô tranh, thanh tịnh cầu an. Ông đề cao nhẫn nhượng, bằng lòng với thực trạng, không cần tích cực tiến thủ, không cần tranh giành hơn thua (夫唯不争故天下莫能与之争{22}). Ông cho rằng vạn vật lúc ban đầu đều có nhiều năng lượng, nhiều sức sống, đến khi trưởng thành, phát triển hoàn hảo thì lại tiến gần đến sự diệt vong hơn (功成名遂身退天之道{9}). Trong tự nhiên, không có gì mềm mại như nước, nhưng nước lại có thể xuyên qua mọi vật cứng, vì thế mà mềm thắng được cứng, yếu thắng được mạnh (天下莫柔弱于水而 攻坚强者莫之能胜... 柔之胜刚弱之胜强{78}). Phẩm chất của nước rất gần với *Đạo*.

Từ các phương diện nêu trên, chúng ta thấy có thể xác lập một xã hội lý tưởng theo mô hình Lão Tử. Cụ thể là nước nhỏ, dân ít (小国寡民{13}). Trong xã hội này điều quan trọng nhất là lấy dân làm gốc, dân là xuất phát điểm của mọi hoạt động. Ông nói rằng người tuân theo đất, đất tuân theo trời, trời tuân theo *Đạo*, *Đạo* tuân theo tự nhiên (人法地地法天天法道道法自然 {25}). Tư tưởng lấy dân làm gốc còn thể hiện rõ qua mục tiêu trị quốc của Lão Tử: dân hữu (sinh nhi bất hữu), dân trị (trưởng nhi bất tử), dân hưởng (vi nhi bất thị)[†]. Con

tưởng này gần với Chủ nghĩa tam dân của Lincoln.

* Chúng tôi dùng số trong dấu ngoặc móc { } để chỉ thứ tự chương dẫn từ *Đạo Đức Kinh*.

[†] 生而不有, 为而不恃, 长而不宰{51}, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tử. *Tư*

đường để thực hiện mục tiêu đó là Vô vi. Ông khẳng định: Đạo thuận theo tự nhiên là không can thiệp, nhưng không có gì là không được giải quyết (道常无为而无不为{37}), ta không làm gì nhưng dân sẽ tự tốt đẹp lên (我无为而民自化{57}), thực hiện được vô vi thì không có gì là không ổn (无为则无不治{3}). Vì thế Lão Tử phản đối dùng luân lý, ông chủ trương loại bỏ thần thánh hóa cá nhân về đạo đức, về trí tuệ, về nhân nghĩa (绝圣弃智绝仁弃义{19}). Ông cho rằng dùng mưu trị quốc là giặc (以智治国国之贼{65}), không vinh danh cá nhân thì dân không tranh giành (不尚贤史民不争{3})... Lão Tử cũng rất đề cao sự công bằng xã hội, ông nói: Đạo rất công bằng (大道甚夷{57}). Ông nhấn mạnh: Quân bình là lẽ tối thượng của đạo tự nhiên xã hội, cắt chỗ dư bù chỗ thiếu (天之道损有余而补不足{77})... Theo Lão Tử, nếu làm được những điều nêu trên thì chúng ta sẽ đạt đến xã hội lý tưởng, là một mô hình xã hội được cụ thể hóa như xã hội *Đào hoa nguyên* được miêu tả trong tác phẩm *Đào hoa nguyên ký* của Đào Uyên Minh.

Mô hình xã hội lý tưởng của Lão Tử hoàn toàn không có giai cấp, không có lãnh đạo, không phân biệt sang hèn, giàu nghèo... Con người được tận hưởng đời sống vật chất và tinh thần hài hòa, thuận theo tự nhiên: Dân có xe có thuyền nhưng không cần dùng tới, có quân lính và vũ khí nhưng chẳng hề ra trận, dân quay về cuộc sống thuần phác như thời *kết thẳng ký sự* nhưng ăn ngon mặc đẹp, sống yên bình, vui vẻ với phong tục của mình, các nước lân bang sống chan hòa, tiếng gà gáy chó sủa đều nghe thấy (虽有车舆无所乘之虽有甲兵无所阵之使民复结绳而用之甘其食美

其服安其居乐其俗邻国相望鸡狗之声相闻{80}).

Thiết nghĩ, Tư tưởng trị quốc của Lão Tử được nêu trên có thể coi là đỉnh cao của một thiết chế xã hội. Mô hình xã hội này một khi đã thực thi thì sẽ trường tồn cùng với vũ trụ, xóa bỏ được sự thịnh suy, hợp tan của các triều đại, các thể chế, bất kể là phong kiến hay tư bản ...

2.2. Tư tưởng trị quốc theo luân lý của Khổng Tử

Khổng Tử (551 TCN – 479 TCN) tên Khâu, tự Trọng Ni, sinh sống vào thời *Xuân thu chiến quốc* đầy biến động. Từ nhỏ Khổng Tử đã rất ham học và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ chính trị gia Chu Công, đến 30 tuổi đã có học vấn uyên bác, trở thành người sáng lập ra học phái Nho gia nổi tiếng. Đương thời, tư tưởng trị quốc của Khổng Tử không được áp dụng; ông chuyên tâm vào việc truyền thụ cho học trò và san định kinh điển, đều có rất nhiều thành tựu. Sau khi ông mất, học trò tập hợp lời thầy và biên soạn thành cuốn *Luận ngữ* được coi là *Thánh kinh* của người Trung Hoa, được lưu truyền rộng rãi ra ngoài Trung Quốc, là khuôn vàng thước ngọc về luân lý, trị quốc qua nhiều thời kỳ, là minh chứng xác thực để nghiên cứu Khổng Tử và tư tưởng của ông.

Hạt nhân tư tưởng của Khổng Tử là *Nhân*. Trong *Luận ngữ* có đến 118 lần nhắc đến *nhân** với nhiều cách thức, hoàn cảnh và cung bậc khác nhau. *Nhân* trong tư tưởng của Khổng Tử không còn là khái niệm mà là một phạm trù rộng lớn, bao hàm những tiêu chuẩn cao đẹp về luân lý. *Nhân* được cụ thể hóa như sau: Điều gì mình muốn có cũng mong muốn có cho người, điều gì mình mong muốn thỏa mãn cũng mong muốn thỏa mãn cho người (己

* Theo kết quả nghiên cứu của luận án *Nghiên cứu văn bản và giá trị Luận ngữ tại Việt Nam* [1], có 10 phạm trù luân lý được nhắc đến trong *Luận ngữ* gồm: *nhân* 118 lần, *lễ* 112

lần, *đạo* 110 lần, *quân tử* 105 lần, *học* 76 lần, *đức* 43 lần, *tín* 32 lần, *trung* 28 lần, *hiếu* 23 lần, *ngĩa* 16 lần.

欲立而立人己欲达而达人{6.30}*). Ngược lại, ông nói: Điều gì ta không muốn thì không áp đặt cho người (己所不欲勿施于人{15.24}). Một khi mọi thành viên trong xã hội làm được điều này thì quan hệ giữa người với người sẽ hài hòa, xã hội sẽ trị an.

Khổng Tử chủ trương dùng *lễ* trị quốc nên bên cạnh *nhân*, *lễ* là phạm trù quan trọng được nhắc đến 112 lần trong *Luận ngữ* và diễn đạt nhiều sắc thái khác nhau. Xét về nghĩa hẹp, *lễ* là quy chuẩn lễ nghi trong tế lễ, hôn lễ, tang lễ, ngoại giao, đối nhân xử thế... Nghĩa rộng, *lễ* là các chuẩn mực hành xử, quy phạm đạo đức, trật tự xã hội... Để thực hiện *lễ*, Khổng Tử chủ trương *chính danh*, ở vai trò nào thì làm tốt vai trò đó, không can thiệp vào vị trí không phải của mình (不在其位不谋其政{8.14}). Ông yêu cầu những gì không hợp *lễ* thì không nhìn, không nghe, không nói, không hành động (非礼勿视非礼勿听非礼勿言非礼勿动{21.1}), ra sức đưa xã hội đảo lộn về trật tự vua ra vua, bề tôi ra bề tôi, cha ra cha, con ra con (君君臣臣父父子子{12.11}). Chỉ cần mọi người đều nghiêm chỉnh chấp hành *lễ* thì xã hội sẽ ổn định, thiên hạ sẽ thái bình.

Nhân và *lễ* là hai nguyên tắc lý tưởng của Khổng Tử. Để hiện thực hóa nguyên tắc này vào việc trị quốc an dân thì cần một cách nghĩ, cách làm chính xác là *trung dung*(中庸). *Trung dung* nghĩa là giữ cân bằng ở trạng thái tốt nhất, không thái quá cũng không bất cập. Ông nói điều gì quá mức thì giống như chưa đạt (过犹不及{11.16}). Tác dụng lớn nhất của *lễ* là điều hòa mọi thứ (礼之用和为贵{11.12}). Nguyên tắc chung là luôn luôn vận dụng hài hòa giữa *nhân* và *lễ*, không thể đơn

thuần *lễ* mà bỏ qua *nhân* hay ngược lại. Tư tưởng *trung dung* chi đạo của Khổng Tử có ảnh hưởng rất lớn đến hậu thế.

Từ cơ sở nêu trên, ta thấy tư tưởng trị quốc của Khổng Tử được cụ thể hóa như sau. Trước hết phải lấy *nhân đức* làm nền tảng xã hội. Ông nói: Người làm chính trị mà dùng *nhân đức* thì giống như sao Bắc Đẩu, ở một chỗ mà các vì sao khác đều châu về (为政以德,譬如北辰,居其所而众星拱之{2.1}). Bên cạnh đó, cần lấy *lễ* giáo làm phương tiện: Dẫn dắt dân bằng *đức*, tổ chức dân bằng *lễ* (道之以德齐之以礼{2.3}). Khổng Tử cho rằng *đức* và *lễ* mới khiến cho dân tâm phục khẩu phục (道之以政齐之以刑民免而无耻道之以德齐之以礼有耻且格{2.3}). Đối với người cầm quyền cần lo cho dân no đủ, xây dựng quân đội hùng mạnh và tạo lòng tin ở dân (足食足兵足信{12.7}).

Khổng Tử cũng đưa ra phương pháp trị quốc cụ thể. Ông yêu cầu người lãnh đạo phải nhìn xa trông rộng, không vội vàng, không ham cái lợi nhỏ, vội vàng sẽ không đạt, ham lợi nhỏ thì việc lớn không thành (无欲速不见小利欲速则不达见小利则大事不成{13.17}). Khổng Tử rất coi trọng việc đề bạt người hiền tài, ông nói: Người giỏi trị quốc thì một trăm năm có thể xóa bỏ được tàn bạo và giết người (善人为邦百年可以胜残去杀矣{13.11}). Theo Khổng Tử, sứ mệnh của người cầm quyền là làm gương cho dân, cụ thể: Người lãnh đạo gương mẫu thì không cần ra lệnh dân cũng sẽ noi theo điều tốt, người lãnh đạo không gương mẫu thì có ra lệnh dân cũng không làm theo (其身正不令而行其身不正虽令不从{13.6}), người lãnh đạo trước hết phải làm gương, bỏ qua lỗi nhỏ của

* Chúng tôi dùng hai số trong dấu ngoặc móc { } để chỉ thiên và chương trong *Luận ngữ*, ví dụ: {6.13} nghĩa là thiên 6, chương 13.

dân, đề cử người tài đức (先有司赦小过举贤才{13.2}), giúp cho dân giàu có và chỉ bảo cho dân (富之教之{13.9}). Quan niệm về pháp luật của Khổng Tử rất rõ ràng, ông phủ nhận hình phạt: Làm chính trị thì cần gì phải giết người, thực sự muốn dân tốt thì dân sẽ tốt thôi (子为政焉用杀子欲善而民善矣{12.19}). Ông khuyến cáo lấy giáo hóa thay hình phạt: Xử kiện ta cũng như mọi người, vấn đề là ở chỗ làm sao để không còn kiện tụng (听讼吾犹人也必也使无讼乎{12.13}), đồng thời coi nhân nghĩa, trung hiếu cao hơn hình phạt: Cha che tội cho con, con che tội cho cha, ngay thẳng đã ở trong đó (父为子隐子为父隐直在其中{13.18}).

Theo Khổng Tử, tất cả các nội dung trên đều được hiện thực hóa thông qua giáo dục, trí tuệ. Ông chủ trương lấy giáo dục làm phương tiện trị quốc. Vì vậy ông đã xác lập một tư tưởng giáo dục tiến bộ vượt thời đại: Giáo dục không phân biệt (有教无类{15.30}), dạy theo năng lực (因材施教{11.22}), học đi đôi với hành (学而时习{1.1})... Mục tiêu của Khổng Tử là đào tạo tất cả trở thành người *quân tử*, là hình mẫu lý tưởng, hội đủ nhiều phẩm chất tốt đẹp (*Luyện ngữ* có 105 lần nhắc đến *quân tử*). Học trò hỏi chí hướng của thầy, Khổng Tử đáp: Chí hướng của ta là làm sao cho người già được sống an vui, bạn bè tin tưởng lẫn nhau và trẻ em được yêu thương (老者安之朋友信之少者怀之{5.26}). Và khát vọng lớn nhất của ông là thực hiện *Đại đồng thế giới*.

Xã hội đại đồng theo mô hình lý tưởng của Khổng Tử là một xã hội tông pháp, có trật tự, được vận hành và duy trì trên cơ sở lấy luân lý làm nền tảng, lấy trí tuệ làm phương tiện. Tuy nó không thể lý tưởng bằng xã hội *Đào hoa nguyên* của Lão Tử

nhưng lại là một thiết chế nhân văn, là niềm mơ ước của chúng ta.

2.3. Tư tưởng trị quốc theo pháp, thuật, thể của Hàn Phi

Hàn Phi (280 TCN-233TCN) sinh sống cuối thời Chiến quốc, là công tử nước Hàn, học trò của Tuân Tử, về sau trở thành đại biểu xuất sắc của Pháp gia. Tư tưởng *pháp - thuật - thể* của ông đương thời đã đề bạt lên vua Hàn nhiều lần nhưng không được vận dụng. Ông tập trung biên soạn thành sách *Hàn Phi Tử*, về sau được Tần Thủy Hoàng vô cùng tán thưởng và vận dụng thành công để thống nhất Trung Quốc. Đây được coi là thắng lợi vĩ đại của tư tưởng Hàn Phi nói riêng và Pháp gia nói chung.

Hàn Phi tiếp thu phép biện chứng của Lão Tử, tư tưởng phản đối *thiên mệnh* của Tuân Tử. Ông theo chủ nghĩa duy vật (phủ nhận quỷ thần, sùng thượng nhân tố con người), chủ trương làm việc theo khách quan, coi trọng thực tiễn.

Hình mẫu xã hội lý tưởng của Hàn Phi là xã hội phong kiến chuyên chế giàu mạnh, theo chế độ quân chủ tập quyền, trong đó pháp luật được công khai và tư tưởng thống nhất trong toàn quốc.

Quan điểm và phương pháp trị quốc của Hàn Phi thể hiện rõ ràng qua các nội dung sau:

Thứ nhất là dùng pháp trị để thống nhất thiên hạ. Tất cả mọi người đều tuân thủ pháp, không hề phân biệt, không hề thiên vị. Do đó pháp luật phải được công khai và phổ biến rộng rãi, ai ai cũng hiểu và làm theo pháp luật. Ông nói: trị dân không có gì khác, chỉ có pháp mà thôi (治民无常唯以法治*). Pháp lệnh gọi là *danh*, thưởng phạt gọi là *hình*. Cách kết hợp pháp lệnh và thưởng phạt gọi là *hình danh chi thuật* (形名之术). Bên cạnh đó, Hàn Phi chủ trương dùng *thuật* (Thân Bất Hại), là cách người cai trị vượt qua *pháp* khi không thể dùng

* Những trích dẫn cho phần *Tư tưởng trị quốc theo pháp - thuật - thể của Hàn Phi* đều trích

từ quyển *Hàn Phi Tử*, Nxb. Nhân dân Nội Mong Cổ, 2005.

pháp, hay nói cách khác *thuật* là quyền thuật, âm mưu, quỷ kế, *thuật* được giữ bí mật. Ngoài ra, Hàn Phi cũng chủ trương dùng *thế* (Thận Đáo), nghĩa là người cai trị một khi không dùng được *pháp* và *thuật* thì sẽ dùng quyền thế, dùng vũ lực, cưỡng chế để giải quyết vấn đề. *Thế* gồm có *tự nhiên chi thế* và *nhân vi chi thế*; ông coi trọng *nhân vi chi thế*.

Hàn Phi cho rằng chỉ có pháp luật mới đem lại sự công bằng nên ông độc tôn pháp luật. Ông nói: Pháp luật không phân biệt sang hèn, giàu nghèo (法不阿贵绳不挠曲). Hàn Phi nhấn mạnh: Pháp luật khi được thi hành thì người trí không thể biện bạch, kẻ dũng không dám kháng cự, quan lại cũng không ngoại lệ (法之所加智者弗能辞勇者弗敢争形过不避大臣). Hình phạt và khen thưởng được thực thi công bằng cho mọi người, không phân biệt quan lại hay dân chúng (形过不避大臣赏善不遗失夫).

Theo Hàn Phi, pháp luật là công cụ để loại bỏ tính ác của con người. Ông nói lấy hình phạt để ngăn chặn phạm pháp (以形治形). Ông khẳng định: Đất nước hưng thịnh là dựa vào pháp luật nghiêm minh, đất nước suy loạn là do pháp luật không nghiêm (治强生于法弱乱生于阿). Ông chủ trương dựa vào pháp luật và thưởng phạt để trị quốc an dân (寄治乱于法术托是非于赏罚). Ông nhấn mạnh: Pháp luật phải được minh bạch, loại bỏ ân oán riêng, mệnh lệnh tất phải thực thi, cấm tất phải dừng lại (明法制去私恩夫令必成禁必止).

Điểm ưu việt nổi trội của tư tưởng trị quốc thuần pháp luật nêu trên là tính công khai minh bạch và công bằng. Nó đáp ứng được khát vọng của đại đa số quần chúng nhân dân và lập lại trật tự xã hội một cách nhanh chóng, hiệu quả. Tuy vậy, do hạn chế về thời đại, tư tưởng trị quốc của Hàn Phi chưa đề cập đến luân lý và tôn giáo. Vì vậy khi vận dụng tư tưởng của ông, thiết nghĩ nên triệt để khai thác *pháp*,

không nên vận dụng *thuật* và *thế*, bởi sử dụng *thuật* (mưu mô, thủ đoạn) và *thế* (bạo lực, cưỡng chế) sẽ thiếu tính nhân văn và dễ dẫn đến tình trạng lạm quyền, tư lợi.

Tóm lại, tư tưởng trị quốc hoàn toàn tự nhiên của Lão Tử xuất phát từ *Đạo* là một phạm trù triết học trừu tượng khó nắm bắt nên việc vận dụng chúng càng khó khăn hơn. Ngày nay có thể vận dụng tư tưởng này để duy trì các xã hội đang lý tưởng (trì an, giàu có và có chỉ số hạnh phúc cao) và giải quyết gốc rễ các vấn đề môi trường, xung đột tôn giáo tín ngưỡng.

Tư tưởng trị quốc theo luân lý của Khổng Tử rất cụ thể, được xác lập từ cá nhân quân tử, gia đình mẫu mực đến xã hội trật tự. Nó đòi hỏi sự nỗ lực đồng bộ rất cao nên thường bị bóp méo và xuyên tạc vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm. Có thể khai thác và vận dụng tư tưởng này để củng cố các xã hội phát triển, đang phát triển để hướng đến xã hội lý tưởng.

Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi hoàn toàn thiết thực nhưng lại thiếu tính nhân bản, nhân văn là khát vọng vốn có của đại đa số quần chúng nhân dân. Vì vậy không thể vận dụng tư tưởng này để xây dựng xã hội lý tưởng mà chỉ có thể dùng pháp trị để củng cố, duy trì các xã hội đang phát triển nhằm hướng tới xã hội phát triển.

Sau 40 năm cải cách, Trung Quốc đã vận dụng thế nào tư tưởng trị quốc của các bậc hiền triết thời cổ đại để có thể vừa tiếp thu văn hóa phương Tây, vừa phát triển kinh tế mà không bỏ truyền thống? Bài viết sẽ tiếp tục tìm hiểu phong trào chấn hưng Nho giáo ở Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI cho đến nay qua hoạt động chấn hưng Nho giáo, qua kinh điển Nho gia - trọng tâm là sách *Luận ngữ*.

3. Vài nét về phong trào chấn hưng Nho giáo ở Trung Quốc đầu thế kỷ XXI

3.1. Bối cảnh lịch sử

Cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, quá trình toàn cầu hóa văn hóa và công nghệ thông tin bùng nổ khiến tư bản phương Tây tràn vào Trung Quốc đã tạo ra áp lực

ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa của Trung Quốc. Sau hơn 40 năm cải cách mở cửa, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng tốc độ cao trong một thời gian dài, những hệ lụy để lại cho nền kinh tế Trung Quốc vẫn chưa được khắc phục và giải quyết triệt để, như cạn kiệt các nguồn tài nguyên và ô nhiễm môi trường, phát triển không cân đối, mức độ chênh lệch giàu - nghèo cao. Từ năm 2018, Trung Quốc phải tìm cách phòng ngừa, hóa giải rủi ro lớn, xóa đói, giảm nghèo và phòng chống ô nhiễm; từ phát triển "tốc độ cao" sang "chất lượng cao" cũng đặt ra nhiều thử thách lớn không dễ nhanh chóng giải quyết.

Trong quá trình tiếp thu văn hóa phương Tây, Trung Quốc không thể bỏ truyền thống Nho giáo vì liên quan đến tương lai và vận mệnh của dân tộc. Từ Đại hội Đảng lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2002 đã đưa vấn đề xây dựng một "xã hội hài hòa" "lấy con người làm gốc", "phát triển khoa học" [2]. Xây dựng một xã hội hài hòa là phải thực hiện công bằng xã hội, giải quyết bất công xã hội. Từ năm 2004, Hội nghị Trung ương 4 khóa XVI đã lấy việc "không ngừng nâng cao năng lực xây dựng kết cấu xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa" (XHCN). Năm 2005, vào ngày 19/2, trong bài nói chuyện trước cán bộ cấp cao ở Trường Đảng Trung ương, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã chỉ rõ: "Xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa mà Trung Quốc muốn xây dựng phải là xã hội dân chủ pháp trị, công bằng chính nghĩa, ái hữu, tin tưởng, tràn đầy sức sống, ổn định có trật tự, con người sống hài hòa với thiên nhiên [3]. Muốn xây dựng xã hội hài hòa, Trung Quốc cần tìm đến tư tưởng "Thiên hạ vi công, thế giới đại đồng" của Khổng Tử được dẫn trong sách Lễ ký. "Đạo lớn thì hành, cả thiên hạ đều là của chung, tuyển chọn người hiền tài, mọi người đều coi trọng tín nghĩa hòa mục, cho người ta không chỉ lo cho người thân gia đình, không chỉ lo cho con cái của mình. (Xã hội như vậy) đủ khiến cho người già chết được yên lành, người khỏe mạnh có công việc, trẻ nhỏ được nuôi dưỡng trưởng thành, những người cô quả bơ vơ, bệnh tật được trông nom nuôi dưỡng. Nam giới có công

việc, nữ giới có nhà để về (đi lấy chồng), hàng hóa người ta bỏ đi không nên nhặt lấy coi là của mình, nếu việc gì mình không cố gắng thì không vì thế mưu lợi cho mình. Do vậy, mưu ác không thể sinh ra, trộm cắp cướp đoạt không thể xảy đến, cho nên cửa ngoài không cần đóng, đó là "Đại đồng" (Thiên Lễ vận, sách Lễ ký {3} 大道之行，天下为公。选贤于能，进信修睦。故人不独亲其亲，不独子其子，是老有所终，壮有所用，幼有所长，鳏寡孤独废疾者皆有所养，男有分，女有归。货恶其弃于地也，不必载于己；力恶其不出于身也，不必为己。是故谋闭而不兴，盗窃乱贼而不作，故外户而不闭，是谓大同。《礼记·礼运篇》).

Để có thể sử dụng tư tưởng trị quốc của các bậc hiền triết thời cổ đại trong việc chấn hưng Nho giáo ở Trung Quốc, đặc biệt là tư tưởng của Khổng Tử, người ta đã phải bỏ một số tư tưởng còn không phù hợp với thời đại như "Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung" 君使臣死臣不死不忠 (Vua bảo bề tôi chết, bề tôi không chết là bề tôi bất trung), hay tư tưởng coi thường người dân: "dân chỉ có thể cho họ theo, không thể để cho họ biết (民可以由之不可以知之 {8.9})... đồng thời giải thích lại kinh điển theo hướng tác động lên thái độ và ứng xử của người dân, góp phần bảo tồn và phát triển nền văn hóa dân tộc. Một trong những nội dung quan trọng trong tư tưởng trị quốc của Khổng Tử đó là đề cao đạo Nhân và Lễ. Đạo "nhân" trong tư tưởng của Khổng Tử bao hàm những tiêu chuẩn đạo đức luân lý cao đẹp. Giá trị của nhân ái trong Nho giáo truyền thống có ý nghĩa tích cực đối với việc nâng cao phẩm chất của con người. Nhân ái trong văn hóa Nho giáo đề cao sự tu thân, dưỡng đức, hướng con người đến lý tưởng cao đẹp hơn. Nho giáo luôn chủ trương dựa vào sự tự giác giáo dưỡng bản thân rồi mới nói đến người khác. Muốn có được một xã hội đại đồng trước hết phải tu dưỡng bản thân "Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai tu thân vi bản" (Từ bậc thiên tử cho đến thứ dân, tất cả đều lấy việc sửa mình làm căn bản) (Đại học. Chương I).

Lễ, đó là sự coi trọng các quy định, thiết chế xã hội, các chuẩn mực đạo đức xã hội; nếu không có lễ, xã hội sẽ trở nên hỗn loạn, con người muốn sống trong sự yên ổn cần phải thượng tôn pháp luật. Các nước không chịu ảnh hưởng của Nho giáo tuy không nói đến "Lễ" nhưng đều hiểu "Lễ" là pháp luật mà con người cần phải tuân theo. Luận ngữ có câu "Lễ chi dụng, hòa vi quý"; "Lễ" không phải là sự trói buộc khiến con người ta chỉ biết tuân theo một cách thụ động mà giúp hướng đến cái "hòa" trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên và xã hội.

Tuy nhiên, ở Trung Quốc hiện nay khi kinh tế thị trường xâm nhập vào xã hội thì con người không còn dành nhiều thời gian cho gia đình và bè bạn, không đủ thời gian tĩnh lặng để tu dưỡng tâm hồn. Nhiều người Trung Quốc được sống trong môi trường giáo dục Nho giáo trước đây cảm thấy hụt hẫng khi lớp trẻ ngày càng vô cảm với con người và thiên nhiên, vì thế người Trung Quốc cho rằng cần phải lấy phương thuốc truyền thống để chữa căn bệnh hiện tại. Đó là nguyên nhân để giải thích cơn sốt Nho học những năm đầu thế kỷ XXI ở Trung Quốc.

3.2. Truyền thông hóa kinh điển Nho gia để chấn hưng Nho giáo ở Trung Quốc

Nho học là chủ thể của văn hóa tư tưởng truyền thống của Trung Quốc, cho dù vẫn còn tranh cãi nhưng không thể phủ định những giá trị văn hóa truyền thống "bao gồm triết học, lịch sử, văn học, mỹ thuật và âm nhạc; theo nghĩa hẹp, nó đề cập đến Nho giáo và định hướng giá trị nho giáo thống trị văn hóa Trung Quốc" [4]; Trong thời đại thông tin bùng nổ và sự lan truyền nhanh chóng của hệ thống mạng Internet thì việc truyền thông hóa kinh điển Nho gia sẽ là biện pháp tốt nhất để đưa kinh điển Nho gia tới công chúng. Theo Trần Hữu Quang: "Truyền thông đại chúng là quá trình truyền đạt thông tin một cách rộng rãi đến mọi người trong xã hội thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình" [5]. Chủ thể của truyền thông

hóa kinh điển Nho gia là những người đứng đầu quốc gia, các cơ quan ban ngành liên quan, các trường Đại học, các cơ quan tổ chức học viện, các quỹ nghiên cứu, những người thuyết trình. Biểu hiện của "cơn sốt Nho học" được thể hiện qua số lượng lớn các bài viết công trình liên quan đến Nho học; qua việc xây dựng, thành lập các cơ quan và quỹ nghiên cứu về Nho học. Bên cạnh đó, để xây dựng một phương tiện truyền thông có ảnh hưởng đến toàn cầu, Chính phủ Trung Quốc đã có kế hoạch đầu tư hàng chục tỷ Nhân dân tệ. Trong đó có dựa vào CCTV để xây dựng hệ thống truyền hình mạng... [6] Qua truyền thông đa phương tiện để truyền bá Nho học dân gian, đưa giá trị tinh thần cốt lõi tới các toàn thể dân chúng. Phát hành phim ảnh và các loại hình nghệ thuật và các công trình nghiên cứu Nho học đến gần hơn với công chúng.

4. Bài học rút ra cho Việt Nam trong việc xây dựng xã hội hiện đại mang tinh thần nhân văn cao cả

Nho giáo được truyền sang Việt Nam từ đời Hán theo chân của Thái thú Tích Quang, Nhâm Diên nhưng không được người Việt tiếp nhận, vì lúc ấy Nho giáo sang nước ta dưới bóng cờ của quân xâm lược. Về mặt chính thống, chỉ khi vua Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu và lập trường Quốc Tử Giám năm 1070, dựng tượng Khổng Tử và tứ phối thì Nho học mới phát triển mạnh và tư tưởng của Nho gia mới được truyền bá rộng rãi. Từ đó về sau, tư tưởng và kinh điển Nho gia đã hiện diện trong đời sống văn hóa Việt trên nghìn năm, ảnh hưởng của nó tới nhiều mặt đời sống văn hóa Việt là điều không phải bàn cãi. Trong đó, vai trò của Nho giáo trong việc ổn định xã hội, xây dựng đời sống luân lý đạo đức giàu tinh thần dân tộc là điều đã được khẳng định qua nhiều thời kỳ lịch sử.

Ngày nay, toàn cầu hóa không còn là hiện tượng mới mẻ; nó là một xu thế khách quan mà mọi dân tộc, dù muốn hay không, cũng đều chịu sự tác động của nó. Việt Nam là nước đang phát triển, quá trình toàn cầu

hóa tạo cho chúng ta những thời cơ thuận lợi, có thể "đi tắt đón đầu" để phát triển, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Đó là thách thức trong việc giữ vững độc lập tự chủ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc... Những thách thức đó bao gồm cả nguy cơ suy thoái, đặc biệt là về đạo đức, lối sống của con người Việt Nam hiện nay.

Dưới tác động của toàn cầu hóa và với chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước ta, trình độ dân trí đã được nâng cao rõ rệt. Nhờ tiếp thu những thành tựu công nghệ, thông tin, chúng ta có thể tiếp cận với nguồn tri thức khổng lồ, cập nhật được nhiều thông tin mới về tình hình thế giới. Cũng qua đó, ý thức chính trị về các vấn đề trong nước và trên thế giới cũng được nâng cao. Nhờ quá trình toàn cầu hóa dân tộc ta hiểu biết hơn về các dân tộc trên thế giới, bổ sung và làm giàu nền văn hóa của dân tộc mình. Cũng thông qua mở cửa, hội nhập, cạnh tranh quốc tế, con người Việt Nam trở nên năng động hơn. Trong bối cảnh mới, nhiều người Việt Nam đã thay đổi lối sống của mình, từ cuộc sống có phần khép kín, thiếu năng động sang cuộc sống cởi mở hơn, năng động hơn và hiện đại hơn. Những thay đổi trong đời sống kinh tế văn hóa, tinh thần theo hướng ngày càng tốt đẹp hơn làm người dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thấy rõ đường lối, chính sách đối mới, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng đề ra là đúng đắn, theo kịp trào lưu của thời đại, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đưa nước ta lên một vị trí xứng đáng trên trường quốc tế. Tuy nhiên, toàn cầu hóa, đặc biệt là toàn cầu hóa kinh tế, một mặt, tạo cơ hội cho những tổ chức, cá nhân có năng lực phát huy được tiềm năng của mình, đem lại lợi ích cho cá nhân và cho cả xã hội. Nhưng mặt khác, toàn cầu hóa kinh tế cũng đem đến tác động tiêu cực trong phát triển kinh tế. Đó là việc đặt mục tiêu kinh tế lợi nhuận lên trên hết, với tình trạng một số tổ chức, cá nhân làm giàu bất chính bằng bất cứ giá nào. Điều đó góp phần làm băng hoại nền đạo đức xã hội, làm cho quan hệ giữa người với người trở nên lạnh lùng, xa lạ,

"không tình, không nghĩa". Đây thực sự là một nguy cơ của sự suy thoái đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay.

Làm thế nào để giải quyết các vấn đề nêu trên là một bài toán khó không chỉ đối với các nhà quản lý xã hội mà còn đối với mỗi gia đình, mỗi cá nhân. Nhìn từ góc độ phát triển lịch sử, tư tưởng "nhân chính, đức trị", "ái dân, trọng dân" cùng với những bài học về tri thức văn hóa và nhân sinh xoay quanh các chủ đề như giáo dục, hiếu thuận, nhân ái, thành tín, lễ tiết, nghĩa lợi, quỷ thần, chí hướng, phản tỉnh, quân tử... có tính tiến bộ và mang tính tích cực thời đại. Tư tưởng này đã trở thành căn cứ, tấm gương cho các nhà cải cách chính trị trong lịch sử noi theo, có tác dụng tích cực đến việc cải cách chính trị và phát triển lịch sử đối với Trung Quốc nói riêng và các quốc gia có tiếp nhận ảnh hưởng của Nho giáo nói chung. Điều này đã được chứng minh bởi các nước được mệnh danh là "bốn con rồng châu Á" (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông) sở hữu thành tựu phát triển thần kỳ vào những năm 90 của thế kỷ XX và đã khiến không ít các học giả quan tâm nghiên cứu. Họ đã nhận thấy rằng tuy các nước này có nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường nhưng vẫn bảo tồn được những nghi lễ truyền thống của Nho giáo. Và chính những yếu tố cốt lõi đó đã giúp cho những nước này tránh được những tiêu cực vốn có của xã hội tư bản mà các nước phương Tây phải đương đầu. Vì vậy chúng ta cần căn cứ vào lý luận phát triển xã hội, dưới góc độ tầm nhìn quốc tế để vận dụng những giá trị nêu một cách linh hoạt và sáng tạo thì chắc chắn sẽ mang lại những kết quả tốt đẹp cho toàn xã hội.

5. Kết luận

Tư tưởng trị quốc hoàn toàn tự nhiên của Lão Tử xuất phát từ *Đạo* là một phạm trù triết học trừu tượng khó nắm bắt nên việc vận dụng chúng càng khó khăn hơn. Tư tưởng trị quốc theo luân lý của Khổng Tử rất cụ thể, được xác lập từ cá nhân quân tử, gia đình mẫu mực đến xã hội trật tự nên có thể được khai thác và vận dụng để củng cố các xã hội phát triển, đang phát triển để

hướng đến xã hội lý tưởng. Tư tưởng pháp trị của Hàn Phi hoàn toàn thiết thực nhưng lại thiếu tính nhân bản, nhân văn vốn là khát vọng vốn có của đại đa số quần chúng nhân dân cho nên không thể vận dụng vào xây dựng xã hội lý tưởng mà chỉ có thể dùng pháp trị để củng cố, duy trì các xã hội đang phát triển nhằm hướng tới xã hội phát triển. Bên cạnh đó, chúng ta có thể vận dụng ba tư tưởng trên một cách linh hoạt cho từng đối tượng, từng vụ việc, từng thời điểm, từng khu vực khác nhau để trị quốc an dân. Điều này đòi hỏi người lãnh đạo phải thẩm nhuần cả ba tư tưởng trên cả về lý luận lẫn thực hành.

Là một hiện tượng văn hóa, tư tưởng của Khổng Tử và học thuyết Nho gia cũng giống như những hiện tượng khác (như văn hóa ba tôn giáo lớn) trong dòng chảy văn hóa nhân loại trường kỳ, tuy trải qua thương hải tang điền nhưng vẫn như cây đời mãi mãi xanh tươi, dùng sức sống mạnh mẽ của mình để sáng tạo cho nhân loại những kỳ tích văn hóa. Sức hấp dẫn của nó đã chuyển hóa trong ý chí chủ quan của lớp lớp người ở nhiều thời đại, vượt ra khỏi không gian và thời gian. Cho đến ngày nay, tư tưởng của Khổng Tử và học thuyết Nho gia vẫn còn nguyên giá trị, mặc dù chưa thật tận thiện tận mỹ như bất kỳ một thành quả văn minh ưu tú nào thì trong bản thân sự ưu việt của nó đã tồn tại một khiếm khuyết khác. Tuy ngày nay chúng ta có quyền nghi ngờ về tác dụng trị quốc, bình thiên hạ của tư tưởng Nho gia như

thời phong kiến, nhưng một điều có thể khẳng định chắc chắn rằng tác dụng tu thân dưỡng tính của tư tưởng ấy hoàn toàn không thay đổi. Vì vậy, việc học tập, nghiên cứu và vận dụng tư tưởng của Khổng Tử và học thuyết Nho gia trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay là điều cần thiết để có thể xây dựng đất nước chúng ta văn minh, giàu đẹp và bền vững hơn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Tiến Khôi, (2012), *Nghiên cứu văn bản và giá trị Luận ngữ tại Việt Nam*. Luận án tiến sỹ Hán Nôm. Học viện Khoa học xã hội.
- [2] Nguyễn Bảo Ngọc, (2020), *Cơn sốt Nho học ở Trung Quốc thập niên đầu thế kỷ XXI*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc (10-230), tr.37-50.
- [3] Sina, (2005), Bài nói chuyện trước cán bộ cấp cao ở Trường Đảng Trung ương, Truy cập tại <http://news.sina.com.cn/o/>.
- [4] Diêm Hồng Ngọc, (1999), Phân tích hiện tượng cơn sốt Quốc học, Tạp chí Giới học thuật, số 1.
- [5] Trần Hữu Quang, (2009), Xã hội học truyền thông đại chúng, Đại học Sư phạm Tp Hồ Chí Minh, tr.11, 13.
- [6] Nguyễn Xuân Cường, (2018), *Trung Quốc: Nhìn lại quá trình 40 năm cải cách, mở cửa*. Tạp chí Cộng Sản online. Truy cập ngày 05/12/2021 tại <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/53209/trung-quoc--nhin-lai-qua-trinh-40-nam-cai-cach%2C-mo-cua.aspx>.